**Phụ lục 1+2**

**UBND XÃ HẢI CHÂU**

 **TRƯỜNG MẦM NON DIỄN HẢI**

**KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆNCHƯƠNG TRÌNH**

 **KHỐI 5-6 TUỔI NĂM HỌC 2025-2026**

**Thực hiệnTừ ngày 08/9/2025 đến ngày 22/5/2026**

*( Kèm theo kế hoạch giáo dục nhà trường số /KH-MNDH ngày 6 tháng 9 năm 2025 của trường Mầm non Diễn Hải)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Tuần** | **Thời gian thực hiện** |
| 1 | **Trường mầm non ( 3 tuần)** | -Trường Mầm non Diễn Hải | 1 | 08/09 – 12/09/2025 |
| -Lớp học của bé  | 2 | 15/09 – 19/09/2025 |
| -Các hoạt động ở trường Mầm Non | 3 | 22/09 – 26/09/2025 |
| 2 | **Bản thân (3 tuần)** | - Cơ thể tôi và bạn- Vui tết trung thu | 4 | 29/09 – 03/10/2025 |
| - Bé tự giới thiệu về mình | 5 | 06/10 - 10/10/2025 |
| -Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh. | 6 | 13/10 -17/10/2025 |
| 3 | **Gia đình bé-Ngày hội của cô giáo (5 tuần)** |  - Gia đình của Bé | 7 | 20/10- 24/10/2025 |
|  - Ngôi nhà bé ở  | 8 | 27/10 – 31/10/2025 |
|  - Đồ dùng trong gia đình bé  | 9 | 03/11 – 07/11/2025 |
| - Nhu cầu của gia đình  | 10 | 10/11 – 14/11/2025 |
| - Ngày hội của cô giáo | 11 | 17/11 – 21/11/2025 |
| 4 | **Nghề nghiệp- ngày TLQĐND Việt Nam 22/12. (5 tuần)**  | -Nghề làm ruộng, Nghề đánh cá | 12 | 24/11 – 28/11/2025 |
| -Nghề xây dựng | 13 | 01/12 – 05/12/2025 |
| -Nghề dịch vụ | 14 | 08/12 – 12/12/2025 |
| - Cháu yêu chú bộ đội | 15 | 15/12 – 19/12/2025 |
|  | -Nghề giúp đở cộng đồng | 16 | 22/12 – 26/12/2025 |
| 5 | **Những con vật đáng yêu (4 tuần** | - Động vật nuôi trong gia đình | 17 | 29/12- 2/1/2026 |
| -Động vật sống trong rừng | 18 | 5/1-9/1/2026 |
| -Động vật sống dưới nước | 19 | 12/1-16/1/2026 |
| -Côn trùng và một số loài Chim | 20 | 19/1-23/1/2026 |
| 6 | **Thế giới Thực vật - Tết nguyên đán và mùa xuân (5 tuần)** | - Bé yêu cây xanh | 21 | 26/1 – 30/01/2026 |
| - Một số loại hoa- quả | 22 | 02/02 – 06/02/2026 |
| - Bé vui đón tết | 23 | 09/02 -13/02/2026 (16/2 – 20/2 nghĩ tết âm lịch) |
| - Một số loài rau- củ | 24 | 23/02 – 27/02/2026 |
| - Mùa xuân của bé -Ngày vui 8/3 | 25 | 02/03 – 06/03/2026 |
| 7 | **Giao Thông (Thực hiện 3 tuần)** | -Phương tiện và quy định giao thông đường bộ | 26 | 09/03- 13/03/2026 |
| -Phương tiện và quy định giao thông đường thủy  | 27 | 16/03 – 20/03/2026 |
| -Phương tiện và quy định giao thông hàng không.  | 28 | 23/03 – 27/03/2026 |
| 8 | **Nước và các hiện tượng tự nhiên (Thực hiện 03 tuần )** | -Nước-Vòng tuần hoàn của nước | 29 | 30/03 – 03/04/2026 |
| -Một số hiện tượng thời tiết và mùa các mùa trong năm | 30 | 06/04 – 10/04/2026 |
| -Tính chất của đất, đá, cát, sỏi | 31 | 13/04 – 17/04/2026 |
| 9 | **Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em –Trường tiểu học (Thực hiện 04 )** | -Diễn Hải quê hương em. | 32 | 20/04/ – 24/04/2026 (27/4 – 1/5/2026 nghĩ lễ giỗ tổ, ngày GP miền nam, quốc tế lao động) |
| -Việt nam đất nước tôi yêu | 33 | 04/05 – 08/05/2026 |
| - Bác Hồ kính yêu. | 34 | 11/05 – 15/05/2026 |
| -Bé vào lớp 1 | 35 | 18/05 – 22/05/2026 |
|  | **Tổng** |  | 35 tuần |  |

**UBND XÃ HẢI CHÂU**

**TRƯỜNG MN DIỄN HẢI**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC**

**TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** |
| **I.PHÁT TRIỂN THẾ CHẤT** |
|  ***a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.*** |
| 1. Chiều cao cân nặng của trẻ phát triển bình thường theo độ tuổiTrẻ trai: + Cân nặng từ 16 - 26.6 kg + Chiều cao từ 106.4 - 125.8 cmTrẻ gái :+ Cân nặng từ 15 - 26.2 kg+ Chiều cao từ 104.8 - 124.5 cm | - Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cận nặng đạt: - Trẻ cân đo vào tháng 09, 12 và tháng 3.- Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ - Trẻ được khám sức khỏe theo định kỳ 2 lần/năm - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng- Tư vấn hướng dẫn phụ huynh về chế độ ăn và những bài tập thể dục phù hợp- Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ- Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân   |
| 2. Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm (cs 10 chuẩn 5) | - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm:Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt cá…Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, củ- Nhận biết các bữa ăn trong ngày , ích lợi của ăn uống đủ lượng , đủ chất**LVPTNT- KPKH**+ Phân loại 4 nhóm thực phẩm+ Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh- Trò chuyện sáng |
| 3. Trẻ biết được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản; biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội, uống nhiều nước ngọt, nước có ga dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe( cs 11 chuẩn 5) | - Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uốngNhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, suy dinh dưỡng, béo phì…)- Kể những ích lợi của các món ăn và ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.**\* LVPTKNTCXH-KNS**: - Dạy trẻ kỹ năng sơ chế, chế biến các món ăn.- Dạy trẻ kỹ năng làm các món nộm- Trò chuyện sáng |
| 4. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản tự phục vụ trong sinh hoạt: | - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách- Hướng dẫn trẻ xếp quần áo.- Hướng dẫn trẻ tự mặc quần áo.- Tư vấn hướng dẫn phụ huynh để hướng dẫn trẻ một số việc tự phục vụ tại nhà.- Kỹ năng sống: Dạy trẻ kỹ năng gấp quần áo. Kỹ năng mặc quần, áo Dạy trẻ kỹ năng biết cách cột dây giày,Dạy trẻ kỹ năng chải tóc, cột tóc |
| 5. Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống. | - Sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách-Kỹ năng sống: Dạy trẻ kỹ năng vệ sinh răng miệng |
| 6.Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh) (cs 15 chuẩn 6) | - Kể tên các thức ăn, nước uống có hại- Không ăn, uống những thức ăn có hại cho sức khỏe- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết- ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết- Hướng dẫn phụ huynh dạy trẻ phòng chống dịch khi ở nhà |
| 7. Trẻ biết những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng, những nguy cơ không an toàn khi ăn uống và biết cách phòng tránh. (cs 13 chuẩn 6) | - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.- Tránh xa những nguy cơ không an toàn và phòng tránh: Tránh xa người hút thuốc lá..- Kỹ năng sống: Phòng tránh đuối nước.- Phòng tránh điện giật.- Dạy trẻ tránh xa nơi nguy hiểm |
| 8. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ(cs 14 chuẩn 6) | - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu…- Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi - **Kỹ năng sống:** +Phòng tránh nguy cơ bắt cóc. Trẻ làm gì khi bị lạc.+ Dạy trẻ phòng bỏng+ Không nhận quà và đi theo người lạ+ Dạy trẻ kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn.- Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không |
| ***b. Phát triển vận động*** |
| 9.Trẻ biết Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.chuẩn 3: trẻ em có kỹ năng vận động thô( vận động cơ lớn) | - Động tác tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; co duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao- Động tác lưng, bụng, lườn:+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, bước chân sang phải sang trái+ Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang trái, sang trái- Động tác chân+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau |
| 10. Trẻ dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới. (CS 4, chuẩn 2) | - Tự tin hòa nhập, không ngại ngùng.- Chủ động tham gia các trò chơi vận động (chạy, nhảy, kéo co, ném bóng, múa hát…) cùng bạn.- Biết hợp tác, chia sẻ, tuân theo luật chơi.- Có cảm giác thoải mái, vui vẻ và an toàn khi trải nghiệm môi trường mới. |
| 11. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động- CS 1 chuẩn 1 | - Đi trên dây- Đi bằng mép ngoài bàn chân- Đi khuỵu gối- Đi nối bàn chân tiến lùi- Đi trên ván kê dốc |
| 12. Trẻ biết Kiểm soát được vận động:cs 5 chuẩn 3    | - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh- Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh- Đi dích dắc theo hiệu lệnh- Chạy dích dắc theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh |
| 13.Trẻ biết thể hiện sự khéo léo trong khi thực hiện vận động bò, trườn, trèo: - CS 5 chuẩn 3 | - Bò dích dắc qua 7 điểm- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm- Trèo lên xuống 7 gióng thang ( độ cao 1,5 m so với mặt đất) |
| 14. Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: - CS 7 chuẩn 3 | - Tung bóng lên cao và bắt bóng- Ném xa bằng 1 tay- Ném xa bằng 2 tay- Đi và đập bắt bóng- Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay- Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay- Ném và bắt bóng bằng 2 tay khoảng cách xa 4m |
| 15. Trẻ biết thực hiện được khéo léo trong vận động chuyền bắt bóng- (CS 7 chuẩn 3) | - Chuyền bắt bóng qua đầu- Chuyền bóng qua chân. |
| 16. Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - CS 5, chuẩn 3) | - Tung, đập bắt bóng tại chỗ- Bật xa, ném xa bằng 1 tay.- Giao lưu các trò chơi vận động- Giao lưu các trò chơi giân gian. |
| 17. Trẻ biết Bật xa tối thiểu 50cm  | - Bật xa 40-50 cm |
| 18. Trẻ biết Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu | - Nhảy lò cò 5m. |
| 19. Trẻ biết Nhảy xuống từ độ cao 40 cm  | - Bật- nhảy từ trên cao xuống 40-50cm |
| 20. Trẻ biết thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể : CS6 chuẩn 3 | - Chạy chậm khoảng 100-120 m- Chạy 18 m trong khoảng 10 giây- Chạy nhanh 20m trong 5-6 giây  |
| 21. Trẻ biết thực hiện được các vận động bật –nhảy | - Bật liên tục vào vòng.- Bật tách chân, khép chân qua 7 ô- Bật qua vật cản cao 15-20 cm |
| 22. Trẻ biết Thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay, gập mở lần lượt từng ngón tay |  - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.- Lắp ráp. - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số - Ghép và gián hình đã cắt theo mẫu |
| 23. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động; cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình và dán vào đúng vị trí (CS 8 chuẩn 4) | - Vẽ hình, tô, đồ theo nét.* Xé, cắt theo đường viền của hình vẽ.
* Xếp chồng 12-15 khối theo yêu cầu

- Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây, kéo khóa...- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.+ Tô, đồ theo nét, tô màu kín không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ+ Cắt dán hình tam giác+ Cắt dán trang trí hình tròn+ Cắt dán trang trí hình vuông + Cắt dán đồ dùng đồ chơi theo chủ điểm ( cắt dán quần áo.. hoa quả, cây..)- Xé, cắt đường vòng  cung+ Cắt dán lá cờ |
| 24. Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (CS 3 chuẩn 1 và chỉ số 3 chuẩn 2). | - Tham gia hoạt động tích cực- Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ, gật- Thường xuyên giữ được tập trung chú ý- Hào hứng suốt giờ học- Hoàn thành các yêu cầu của bài tập đúng thời gian |
|  |  |
| **II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** |
| ***1. Khám phá khoa học*** |
| **Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng** |
| 25. Trẻ biết tò mò, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? - CS 50 chuẩn 17- CS 64, chuẩn 21 | * Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
* Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.

- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.- Sự kỳ diệu của nước- Một số đặc điểm, tính chất của nước- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi |
| 26. Trẻ biết Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng: CS 52 chuẩn 17 | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.- Quá trình phát triển của các con vật, cây, hoa quả. Điều kiện sống của một số loại động vật, cây, hoa quả...- So sánh sự giống, khác nhau của các con vật, cây, hoa quả.- Phân loại cây, hoa, quả, con vật các theo 2-3 dấu hiệu.- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa vật nuôi, cây, hoa quả với môi trường sống.- Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây, hoa quả.Một số con vật nuôi trong gia đình ( Gà, vịt, chó, mèo, lợn, trâu..- Một số con vật sống dưới nước ( cá, tôm, cua, ốc...)Một số động vật sống trên rừng ( Voi, gấu, sư tử, voi, khỉ, hổ…)- Côn trùng và một số loài chim ( Ong, bướm, chuồn chuồn...- Chim chích bông, chim sẻ...)Cây xanh và môi trường sống- Quá trình phát triển của cây từ hạt- Một số loại hoa***-***Một số loại rau củ,quả- Trò chuyện sáng |
| 27. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận:  | \* Một số thí nghiệm:- Sự kỳ diệu của không khí.- Vật chìm vật nổi- Trứng chìm trứng nổi- Chất tan và chất không tan- Sự kỳ diệu của nam châm- Cầu vồng trong chai- Sự đổi màu của nước- Sự thay đổi màu của nước- Lốc xoáy mini- Khám phá về giấy-Thí nghiệm gieo hạt.- Hoa mười giờ nở.- Sự kỳ diệu của các loại sửa- Sự kỳ diệu của dây chun- Trải nghiệm làm các loại nước giải khát. |
| 28. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. | - Nêu được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận |
| 29. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau: CS 51 chuẩn 17 | - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại một số loại rau, hoa, loại quả theo 2 – 3 dấu hiệu.- Phân loại động vật sống trong rừng, gia đình, dưới nước...- Phân loại phương tiện giao thông theo 2 – 3 dấu hiệu.- Trò chuyện sáng |
| **Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản** |
| 30. Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng:  | - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dung, đồ chơi quen thuộc- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây |
| 31. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau - CS 69,70 Chuẩn 22 | - Biết gọi tên hoặc mô tả vấn đề xảy ra. (Ví dụ: tranh nhau đồ chơi, xếp hình bị đổ, không với tới đồ vật…) - Tự nghĩ ra các cách khác nhau để giải quyết vấn đề đơn giản. (ví dụ: muốn lấy đồ chơi trên cao thì có thể nhờ bạn/cô giúp, dùng ghế đứng lên, hoặc chọn đồ chơi khác). |
| **\* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** |
| 32. Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng |
| 33. Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình | * Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện…; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật.

- Thể hiện hiểu biết qua hoạt động âm nhạc và tạo hình- Trò chuyện sáng |
| \* Trẻ em nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận cộng nghệ số |
| 34. Trẻ biết sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự giúp đở của người lớn | - Sử dụng, điều khiển chuột đúng cách- Chơi và thao tác với một số trò chơi trên máy- Bật, tắt máy tính, tivi, một số thiết bị công nghệ khác |
| 35. Trẻ biết thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giãn khi tiếp cận công nghệ số. | - Trẻ có khả năng suy nghĩ, tìm cách xử lý tình huống xảy ra xung quanh (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại, thiết bị thông minh, đồ chơi bị hỏng, không mở được ứng dụng, không tìm thấy thông tin mình cần…). - Nhận ra vấn đề (cái gì bị hỏng, khó khăn ở đâu).- Nghĩ ra cách để giải quyết (tự làm, nhờ cô, dùng công cụ hỗ trợ…) |
| ***2, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*** |
| 36.Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu”; “Đây là mấy?”. Trẻ biết các số từ 5-10 và sử dụng các con số đó để chỉ số lượng, số thứ tự,:chuẩn 15 | - Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 10- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm. - Đếm và nhận biết các con số theo khả năng+ Dạy trẻ nhận biết số thứ tự từ 1 đến 10. |
| 37. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng | - Ôn số lượng trong phạm vi 5- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng+ Đếm đến 6, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 6, Nhận biết số 6+ Đếm đến 7, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 7, Nhận biết số 7+ Đếm đến 8, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 8, Nhận biết số 8+ Đếm đến 9, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 9, Nhận biết số 9+ Đếm đến 10, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 10, Nhận biết số 10 |
| 38- Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm và tạo sự bằng nhau trong phạm vi 10: - CS 43 chuẩn 15 | + Dạy trẻ so sánh, nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 6+ Dạy trẻ so sánh, nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 7+ Dạy trẻ so sánh, nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 8+ Dạy trẻ so sánh, nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 9+ Dạy trẻ so sánh, nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 10 |
| 39. Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau  | - Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 10- Tạo nhóm có 3 đối tượng khác nhau trong phạm vi 10 và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. |
| 40.Trẻ biết Tách, Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau: - CS 42 chuẩn 15 | **-**Trẻ biết tách/gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 5, gộp, tách số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm khác nhau và đếm.+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 6, gộp, tách số lượng trong phạm vi 6 thành 2 nhóm khác nhau và đếm.+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 7, gộp, tách số lượng trong phạm vi 7 thành 2 nhóm khác nhau và đếm.+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 8, gộp, tách số lượng trong phạm vi 8 thành 2 nhóm khác nhau và đếm.+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 9, gộp, tách số lượng trong phạm vi 9 thành 2 nhóm khác nhau và đếm.+ Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 10, gộp, tách số lượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm khác nhau và đếm. |
| 41. Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuốc sống hằng ngày | - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, SĐT, biển số xe…)- Số nhà, các số điện thoại của công an ( 113), phòng cháy, chửa cháy(114), Số điện thoại của cứu thương( 115), số điện thoại của bố, mẹ và người thân trong gia đình, các ký hiệu đồ dùng cá nhân…. |
| 42. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. Biết sắp xép theo mẫu và sáng tạo ra quy tắc sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. - CS46 chuẩn 16 | - So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và Sắp xếp theo qui tắc.- Tạo ra quy tắc sắp xếp. |
| 43. Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả: - CS 44 chuẩn 15 | - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả- Đo dung tích các vật , so sánh và diễn đạt kết quả đo- Dạy trẻ đo thể tích – dung tích của một vật |
| 44. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật- biết chắp ghép các hình học để tạo thành hình mới - CS 45 chuẩn 16 | - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế- Nhận biết gọi tên. Phân biệt khối vuông khối chữ nhật- Nhận biết gọi tên. Phân biệt khối cầu, khối trụ- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu- Sử dụng các hình: hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật, Xếp ngôi nhà, con vật, ô tô,..... |
| 45. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn: - CS 47 chuẩn 16 | - Phân biệt phía phải, phía trái của bạn khác.- Phân biệt phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau của đối tượng có sự định hướng. |
| 46. Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm: - CS 48 chuẩn 16 | * Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.

- Nhận biết, phân biệt các thứ trong tuần.- Thứ tự các mùa trong năm.- Gọi tên thứ tự các thứ trong tuần- Mùa hè của bé. |
| 47. Trẻ nói được ngày trên mốc lịch và giờ trên đồng hồ - Chỉ số 49 chuẩn 16 | - Lịch và giờ trên đồng hồ- Trẻ biết thời gian hoạt động 1 ngày của bé. |
| ***3, Khám phá xã hội*** |
| 48. Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân và các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện | - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình+ Bé tự giới thiệu về mình.+ Cơ thể tôi và bạn.- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình.- Quy mô gia đình- Nhu cầu gia đình**- Kỹ năng sống**: Lời yêu thương- Trò chuyện sáng |
| 49. Trẻ biết nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên, địa chỉ và những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc các bác, các cô trong trường.- Địa chỉ gia đình: Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) … khi được hỏi, trò chuyện- Trò chuyện sáng |
| 50. Trẻ biết nói được tên, công việc của cô giáo, các bác công nhân trong nhà trường và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.  | - Tham quan trường mầm non- Tham quan các phòng ban trong nhà trường- Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường- Trò chuyện sáng |
| 51. Trẻ kể được một số nghề nơi trẻ sống  | -Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.- Trò chuyện sáng |
| 52. Trẻ biết kể tên và nhận biết một số phương tiện giao thông. | - Một số phương tiện và QĐGT đường bộ, đường sắt- Một số phương tiện và QĐGT đường thủy.- Một số phương tiện và QĐGT Đường hàng không.- Thực hành: Em đi qua ngã tư đường phố**-Kỹ năng sống**: Giáo dục an toàn giao thông. Dạy trẻ kỹ năng đội mũ bảo hiểm.- Trò chuyện sáng |
| 53. Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. | - Tên một số lễ hội và hoạt động nổi bật của các ngày lễ hội.+ Tết trung thu+ Ngày vui của bà của mẹ (20/10)+ Ngày 20/11+ Ngày 22/12+ Ngày noen+Ngày 8/3+ Ngày tết nguyên đán.+Sinh nhật Bác Hồ (19/5), giải phóng miền nam( 30/4), ngày giổ tổ hùng vương ( 10/3 âm lịch)…..- Trò chuyện sáng |
| 54. Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước | - Nhận biết một số di tích, danh lam thắng cảnh, khu du lịch nổi tiếng của địa phương, những địa danh gần gũi (Quê Bác, Bãi biển Cửa Lò, Quảng trường Hồ Chí Minh, Sông Lam, núi Quyết, Bãi biển hòn câu...) và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước- Một số vùng biển và hải đảo Việt Nam- Vùng biển Việt Nam thông qua tên gọi, vị trí địa lí và một vài đặc -điểm nổi bật của một số bãi biển nổi tiếng ở Việt Nam Hoàng sa, Trường Sa.- Giới thiệu về thủ đô Hà Nội- Diễn Hải quê hương em.- Việt nam mến yêu.- Tham quan mộ liệt sỷ- Trò chuyện sáng |
| 55. Trẻ biết một số đồ dùng và hoạt động của học sinh lớp 1. | - Xem video về Trường tiểu học.- Cho trẻ 5 tuổi tham quan Trường tiểu học.- Làm quen với đồ dùng của học sinh tiểu học.- Một số hoạt động học ở trường tiểu học.- Trò chuyện sáng |
| **III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** |
| ***1. Nghe hiểu lời nói*** |
| 56. Trẻ biết thực hiện các yêu cầu trong hoạt động tập thể. | - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp |
| 57. Trẻ biết được một số từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng đồ (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).- CS 39, chuẩn 12 | - Trẻ hiểu được từ khái quát-Từ trái nghĩa. |
| 58. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại- CS 31, chuẩn 11 | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức |
| ***2*,*Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày*** |
| 59. Trẻ biết kể rỏ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được | - Kể lại chuyện đả nghe theo trình tự- Kể lại sự việc theo trình tự- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| 60. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…. phù hợp với ngữ cảnh: - CS 32 chuẩn 11 | - Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động phù hợp với ngữ cảnh |
| 61. Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh - CS 30 chuẩn 11 | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. |
| 62. Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật .- CS 33 chuẩn 11 | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. |
| 63. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao  |  - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.- **Chủ đề trường mầm non**: + Trăng sáng (Trần đăng khoa); Gà học chữ (Đoàn thị điểm), tình bạn( Trần thị hương), ;Bé học toán,( phan thị thu Huyền) Làm quen chữ số, ( vương trọng), bập bênh,( Lê tấn ), Cô giáo của em (Chu Huy) , Nghe lời cô giáo( nguyễn văn chương), Bàn tay cô giáo.(Tặng kim hảo); Cô giáo của con (Sưu tầm); Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh), Mèo con đi học(Sưu tầm).+ Ca dao, đồng dao: Dung dăng dung dẻ, chi chi chành chành, chú cuội ngồi gốc cây đa, …**- Chủ đề bản thân**: +Lời bé( Nguyễn văn Bình), Tay ngoan( võ Thị Như Chơn), Chiếc bóng( Phạm thanh Quang), Những con mắt( Sưu tầm), ( phải là hai tay( Phạm cúc), cái lưỡi( Lê Thị mỹ phương); tâm sự của cái mũi(Phạm Hổ); Cô dạy(Phạm Hổ); Bé ơi(Phong Thu). Nu na nu nống, tập tầm vông, mười ngón tay, **- Bài thơ chủ đề gia đình**:+ Giữa vòng gió thơm( Quang huy), làm anh( Phan thị thanh nhàn), Ông cháu nhà vịt( Trần Minh), mẹ của em( Trần Quang Vịnh),), Lời bình), Chia bánh( Trương hửu lợi), Vì con( Vân long), … Ca dao, tục ngữ về gia đình. Cái bát xinh xinh ( Thanh Hoà); Thương ông (Tú Mỡ); Em yêu nhà em (Đoàn Thị Lam Luyến); Làm anh (Phạm Thị Thanh Nhàn). Buổi sáng ngủ dậy, Lớn là anh, Gánh gánh gồng gồng.- **Bài thơ chủ đề nghề nghiệp**: + Hạt gạo làng ta( Trần Đăng khoa), Ước mơ của tý( Lưu Thị ngọc lể), Chú bộ đội hàng quân trong mưa( Vũ Thùy Linh),Chiếc cầu mới( Thái Hoàng Linh), bé làm bao nhiêu nghề( Yến Thảo), Làm bác sỹ( Lê Ngân), Làm nghề như bố(Thu quỳnh sưu tầm) .. .+Ca dao: tay đẹp, kéo cưa lừa xẻ.. - **Bài thơ chủ đề thực vật**: + Hoa cúc vàng(Nguyễn Văn chương), cây đào( Sưu tầm), Bó hoa tặng cô( Ngô quân miện), Vòng quay luân chuyển, Màu của quả( Thu Hồng Sưu tầm), hoa kết trái( Thu Hà), Mùa Xuân (Tú mỡ); Cây dây leo (Xuân Tửu); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Bác bầu bác bí (Huỳnh Thị Minh Quyên).+ Ca dao, đồng dao: Lúa ngô là cô đậu nành, họ rau, …- **Bài thơ chủ đề động vật**: +Nàng tiên ốc( Phan thị thanh nhàn), Gà mẹ đếm con( Nguyễn duy quế), Bác gấu đen và 2 chú thỏ( Hoàng Hà), Gà nở(Phạm hổ), con chim chiền chiện( Huy cận) đom đóm( Hoàng hương sưu tầm), .Kiến tha mồi( sưu tầm); Mèo đi câu cá( Thái hoàng linh); Những chú lợn con(Nguyễn Lãm Thắng) ; Cún con(Nguyễn Lãm Thắng); Gà mẹ (Nguyễn Lãm Thắng)+ Ca dao, đồng dao: Con cua, con gà..**- Bài thơ chủ đề giao thông**: + Chú cảnh sát giao thông( Sưu tầm), Tiếng còi tàu( hồng vy), Cô dạy con( Bùi thị tình), Giúp bà( Hoàng thị phảng), Trên đường(hương mai), đàn kiến nó đi(Định hải), Bé và mẹ( Lương thị xiêm), Đèn giao thông(mỹ trang), em không như chú mèo(Phạm thị hường), Chúng em chơi giao thông(Ngô tô ngải). Đi cầu, đi quán, bà còng đi chợ trời mưa…- **Bài thơ chủ đề hiện tượng tự nhiên**: Nắng bốn mùa( Mai anh đức); Mưa( trần Đăng khoa;) Trưa hè( Trần đăng khoa), Bình minh trong vườn( Đổ ngọc hưng), Mùa hạ tuyệt vời(Phạm hưng long), Trăng ơi từ đâu đến( Trần đăng khoa), Gió( Xuân quỳnh), cầu vồng ( Trương thị minh huệ)...+ Ca dao, đồng dao: Mưa, Nắng, Trời mưa, trời gió, mồng một lưỡi trai…..- **Bài thơ chủ đề Quê hương- Bác Hồ**: + Bác Hồ của em( Phan thị thanh nhàn); Ảnh Bác( Trần đăng khoa); em vẽ Bác Hồ( thi ngọc), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn bao), quê em vùng biển(Đặng quang định sưu tầm), Bé vào lớp một(Đinh dũng toàn)...+ Ca dao, đồng dao: Con mèo mà trèo cây cau, con gà cục tác lá chanh, con kiến leo cành đa…Các bài vè: vè con vật, vè các loại rau….- Con công hay múa, rềnh rềnh ràng ràng, dung dăng dung dẻ, Vuốt hột nổ, tay đẹp... |
| 64. Trẻ kể chuyện sáng tạo theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân:- CS 35 chuẩn 11 | - Kể chuyện sáng tạo- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự.- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.- Kể lại sự việc. |
| 65. Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện | **-** Đóng kịch. |
| 66. Trẻ biết sử dụng các từ “cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng” phù hợp và biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống, ngữ cảnh- CS 33 chuẩn 11 | - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp**- Kỹ năng sống** : Lễ phép khi ở nhà, ở trường. Kỹ năng nói lời cảm ơn. |
| 67. Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân : - CS 34 chuẩn 12 | - Dùng ngôn ngữ để diễn đạt, cố gắng để người khác hiểu được cảm xúc của mình |
| 68. Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện :- CS 32 chuẩn 11 | - Mạnh dạn, chủ động trong giao tiếp |
| **3*, Làm quen với việc đọc viết*** |
| 69. Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem; biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.- CS 36,Chuẩn 13 | - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau- Giữ gìn và bảo vệ sách - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dư¬ới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.-“Đọc” truyện qua các tranh vẽ. |
| 70. Trẻ Nghe hiểu nội dung câu chuyện dành cho lứa tuổi của trẻ.  | **- Chủ đề trường mầm non**: + Món quà của cô giáo( phỏng theo truyện ngắn tú anh), Thỏ trắng biết lỗi( Phùng kim liên), Ai quan trọng nhất(, Mèo con và quyển sách( Trần thị thu), Bạn mới( Thu Hằng), chiếc áo đẹp( Cẩm bích sưu tầm), bài học đầu năm( Sưu tầm), gà tơ đi học( cẩm linh)…- **Chủ đề bản thân**: + Cái đuôi của sóc nâu( bích hồng), giấc mơ kỳ lạ(Nguyễn bích ngọc), câu chuyện tay phải tay trái( lý thị minh hà), Đôi tai xấu xí, mổi người một việc(sưu tầm) …- **Câu chuyệnchủ đề gia đình**: + Bông hoa cúc trắng(phỏng theo tryện cổ tích nhạt bản); Ba cô gái,Tích Chu , cây khế( cổ tích việt nam), bàn tay có nụ hôn (Phỏng theo truyện kể của thanh nga), Hai anh em gà con (Lê Thị Quế), Ai đáng khen nhiều hơn; Tấm cám, Cô bé quàng khăn đỏ (Truyện cổ tích).- **Chủ đề nghề nghiệp**: + Hai anh em (Truyện cổ tích), Ba anh em (Phỏng theo truyện cổ grim), Cây rau của thỏ út, sự tích quả dưa hấu (Nguyễn Đổng Chi), sự tích củ khoai lang, Thần sắt..**- Chủ đề thực vật**: + Quả bầu tiên (Truyện cổ tích), sự tích bông hoa cúc trắng (Truyện cổ tích), sự tích hoa hồng (Theo báo hoạ mi), sự tích cây khoai lang (Truyện cổ tích); Cây tre trăm đốt (Truyện cổ tích); Chuyện của hoa phù dung (Truyện cổ tích), thần sắt (Truyện cổ tích), Bánh chưng bánh dày (Truyện cổ tích), Nhổ củ cải, hạt đổ sót....- **Chủ đề động vật**: + Chú dê đen (Truyện cổ tích), Cáo Thỏ và Gà Trống (Truyện ngụ ngôn), Gà trống kiêu căng, Cá chép con(Tạ Mai), những nghệ sỹ của rừng xanh (Theo báo hoạ mi), Cá cầu vồng can đảm (Cẩm bích sưu tầm), cá diếc con (Truyện cổ tích), cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí. Chó sói và bảy chú dê con, Cừu non và sói già. (Truyện cổ nước ngoài)**- Chủ đề giao thông**:+ Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi sưu tầm); Xe đạp con trên đường phố (Thu Hạnh); Qua đường (Phỏng theo truyện ngắn của TH), Vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yến), Thỏ con đi học (Đỗ Ngọc Anh); Xe lu và xe ca; Ba ngọn đèn giao thông; Kiến thi an toàn giao thông; Một phen sợ hãi; Câu chuyện về chiếc xe ủi ....- **Chủ đề Hiện tượng tự nhiên**; +“Giọt nước tí xíu” (Nguyễn Linh); Nàng tiên trong bóng đêm (Truyện cổ tích); Sự tích chú Cuội Cung trăng (Truyện cổ tích), sự tích ngày và đêm(Truyện cổ tích), Đám mây đen xấu xí (Nguyễn Văn Thắng); Nàng tiên mưa; Hồ nước và mây; Lời ru của trăng...**- Chủ đề Quê hương- Bác Hồ**: + Khen các cháu (Sưu tầm); Ai ngoan sẽ được thưởng (Tuý Phương và Thanh Tú); Sự tích Hồ Gươm (Truyện cổ tích). Thánh Gióng(Truyện cổ tích), Chàng Rùa (nhiều tác giả). Quả táo, Niềm vui bất ngờ (Nguyễn Bá Doanh).... |
| 71. Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông: - CS 37 chuẩn 13 | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh,nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông |
| 72. Trẻ biết nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt:- CS 38 chuẩn 13 | - Nhận dạng và phát âm 29 chữ cái.+ Làm quen với nhóm chữ o,ô,ơ: a, ă â: e, ê: u ư: i, t, c: b, d, đ: m, n: l, h. K: q, p: g, y: v r: s, x+ Trò chơi với nhóm chữ cái o,ô,ơ a, ă â: e, ê: u ư: i, t, c: b, d đ: m, n: l, h. k:q, p: g, y: v r: s, x |
| 73. Trẻ biêt tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình- (CS 40,41 chuẩn 14) | - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình- Tâp tô các nét cơ bản , các chữ cái o,ô,ơ; a,ă,â; o,ô,ơ; e,ê; u,ư; i,t,c; l,m,n; h,k;.... |
| 74. Trẻ Tự tin trong giao tiếp chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh; Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ | - Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh;- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp;- Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;- Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi;- Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ, một số mẫu câu rất đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc và khi được hỏi về khả năng và sở thích; |
| **IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI** |
| ***1,Thể hiện ý thức về bản thân*** |
| 75. Trẻ biết nói được họ tên, tuổi, giới tính, của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại; biết mình là con/cháu/anh/ chị/ em trong gia đình | - Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.- Nói được  điều bé thích, không thích., những việc bé làm được  và  việc gì  bé không làm được.- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới  tính, sở thích và khả năng).- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình- Trò chuyện sáng |
| 76. Trẻ biết nói được điều trẻ thích, không thích, những việc làm được và những việc không làm được- (CS 16, Chuẩn 7) | - Sở thích và khả năng của bản thân- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến- Trò chuyện sáng |
| 77.Trẻ biết nói được mình có điểm gì giống và khác bạn và tôn trọng sự khác biệt của người khác - CS 18, chuẩn 7; (CS 24, chuẩn 9) | - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác như: Giáng vẽ bên ngoài, sở thích và khả năng |
| 78. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.  | - Luôn lắng nghe ý kiến người khác, sử dụng lời nói cử chỉ, lể phép, lịch sự. - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi) |
| ***2, Thể hiện sự tự tin, tự lực*** |
| 79. Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày và cố gắng tự hoàn thành công việc được giao- CS 65, 66,67 chuẩn 21 | - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi)- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến**-** C**ố gắng tự làm** từ đầu đến cuối, không bỏ dở giữa chừng.**-** T**ìm cách khắc phục khó khăn** (suy nghĩ thêm cách, nhờ bạn hoặc cô hướng dẫn) để hoàn thành công việc. |
| **3, *Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh*** |
| 80. Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác; biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ: - CS 17, 19 Chuẩn 7 | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng- sai- tốt – xấu. - Trò chuyện sáng |
| 81. Trẻ biết an ủi, chia vui với người thân và bạn bè.  | - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác- Quan tâm, chia sẻ, giúp đở bạn.- Yêu mến, quan tâm đến người thân gia đình- Trò chuyện sáng |
| 82. Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ,thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ | - Bác Hồ kính yêu- Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.- Một số hoạt động của Bác.- Trò chuyện sáng |
| 83. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước | - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. |
| ***4, Hành vi và quy tăc ứng xử xã hội*** |
| 84. Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nới công cộng : Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.- CS 21 chuẩn 7, CS 22 chuẩn 9 | - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường) |
| 85. Trẻ biết chờ đến lượt- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn: dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn -(CS 29 chuẩn 10) | - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận |
| 86. Trẻ biết lắng nghe cô, bạn nói, biết trao đổi, thỏa thuận, chia sẽ kinh nghiệm với bạn và người khác- (CS 23, chuẩn 9) | - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sựPTKN- TCXH: + Dạy trẻ kỹ năng giao tiếp với người lạ- Trò chuyện sáng |
| 87. Trẻ biết thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi- (CS 25 chuẩn 9) | **- Hòa nhập, tham gia** vào các hoạt động diễn ra trong môi trường gần gũi xung quanh (gia đình, lớp học, sân trường, khu vui chơi, cộng đồng gần nhà).**- Ứng xử phù hợp** theo hoàn cảnh, ví dụ: chào hỏi khi gặp người quen, xếp hàng khi tham gia trò chơi, giữ trật tự khi nghe cô giáo hướng dẫn.**- Tự tin và linh hoạt** khi gặp tình huống mới trong môi trường xã hội thân thuộc (như khi có khách đến lớp, khi đi tham quan công viên, khi tham gia lễ hội ở trường).**- Có thái độ tích cực**: vui vẻ, hợp tác, biết chia sẻ cùng bạn, không bỡ ngỡ, không thu mình. |
| 88. Trẻ biết phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra. (CS 27, chuẩn 10) | - Kể lại sự việc đúng sự thật- Trung thực, nói đúng sự thật, không thêm bớt, không đổi lỗi cho bạn. |
| ***5, Quan tâm đến môi trường*** |
| 89. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc (CS 26, chuẩn 9) | - Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối-Kỹ năng sống: Cách phòng vệ trước những con vật nguy hiểm., Dạy trẻ biết bảo vệ và chăm sóc cây cối.**Trải nghiệm**: + Làm vườn.+ Gieo hạt |
| 90. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, biết nhăc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường | - Giữ gìn vệ sinh môi trường**PTKN- TCXH:** + Bảo vệ môi trường+ Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định |
| 91. Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn | - Tiết kiệm điện nước |
| **V. PHÁT TRIỂN THÂM MỸ** |
| 92. Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.( Chuẩn 19) | - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật**- Trò chơi âm nhạc:**+ Vòng tròn tiết tấu+ Sự kỳ diệu của âm thanh+ Bước nhảy vui nhộn+ Nhảy theo nhịp điệu+Nhịp điệu âm nhạc+ Vũ điệu hóa đá+ Hát theo hình vẽ.+ Nghe âm thanh to nhỏ+Nghe âm la đoán tên bài hát+ Thi Xem ai nhanh+ Tiếng hát ở đâu+ Bịt mắt bắt dê+ Nghe âm thanh tìm đồ vật.+ những nốt nhạc may mắn+ Bao nhiêu bạn hát.+Son mi+ Vòng quay kỳ diệu+ Vũ điệu theo nhạc. |
| 93. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp). (CS 58 chuẩn 19) | - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)***\* Chủ đề: Trường mầm non***- Mầm non hạnh phúc thân yêu (Vũ Cẩm) - Những khúc nhạc hồng (Trần Xuân Mân)- Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên)- Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện)- Cô giáo miền xuôi” (Mộng Lân)- Đi học (Bùi Đình Thảo)  - Ngày đầu tiên đi học ( Nguyễn Ngọc Thiện).***\* Chủ đề: Bản thân***- Xòe bàn tay, đếm ngón tay (Minh Quân)- Năm ngón tay ngon (Trần Văn Thụ)-Thật đáng chê (Theo điệu: Bắc Kim Thang- Dân ca Nam bộ; Lời: Việt Anh)- Thằng tý sún (Hùng Lân)- Chiếc bụng đói( Tiên cookie)*\** ***Chủ đề: Gia đình****-* Mẹ ơi tại sao (Nguyễn Đình Nguyên)- Cho con (Phạm Trọng Cầu)- Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ)- Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân)- Có ông, có bà, có má có ba (Sông Trà)- Gia đình nhỏ, hạnh phúc to (Nguyễn Văn Chung)- Ngôi sao nhỏ (Tường Văn)- Mẹ yêu con( Nguyễn Văn Tý)***\* Chủ đề: Nghề nghiệp***- Ba lô con cóc (Vũ Hoàng) - Anh phi công ơi (Vũ Thanh)- Xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ bắc ninh) - Hạt gạo làng ta (NhạcTrần Viết Bính, Thơ Trần Đăng Khoa)- Cháu hát về đảo xa (Trần Xuân Tiên)- Bông hồng tặng cô (Trần Quang Huy)- Màu áo chú bộ đội( Nguyễn Văn Tý)- Ước mơ xanh***\* Chủ đề: Chủ đề động vật***- Lý con khỉ (Dân ca nam bộ)- Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên)- Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền)- Tôm cá cua thi tài (Phan Nhân)- Con chim vành khuyên (Hoàng Vân)***\* Chủ đề: Thực vật- Tết nguyên đán***- Nghe hát: Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Mùa xuân nho nhỏ; Cây trúc xinh (Dân ca Bắc Ninh); Lý chiều chiều (Dân ca ); Hoa thơm bướm lượn (dân ca); Chúc xuân; Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn).***\* Chủ đề: Giao thông***- Từ một ngã tư đường phố (Phạm Tuyên)- Anh phi công ơi (Vũ Thanh)- Bé học luật giao thông (Hoàng Dinh)**-** Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến)- Cô dạy bé bài học giao thông (Lâm Trọng Tường) **\* *Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên***- Bèo dạt mây trôi (Dân ca quan họ Bắc Ninh)- Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh)- Mưa rơi (Dân ca Xá)- Hè về, hè về (Hùng Lân)- Em bé và hạt mưa (Nguyệt Hằng)- Mưa hè (Lê quốc Thắng)**\* *Chủ đề: Quê hương đất nước- Bác Hồ***- Việt Nam quê hương tôi (Đỗ Nhuận)- Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác (Hoàng Long- Hoàng Lân)- Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng( Phạm Tuyên)- Trường em (Trịnh Công Sơn)- Đi học (Bùi Đình Thảo)- Em đi giữa biển vàng (Bùi đình Thảo)- Cháu vẫn nhớ trường mầm non (Hoàng Lân) |
| 94. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. - CS 55,56 chuẩn 19 | - Bộc lộ cảm xúc và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. |
| 95. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, với hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ :- CS 60 chuẩn 20 | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.***\* Chủ đề: Trường mầm non***- Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến)- Chào ngày mới (Hoàng Văn Yến) -Trường cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên)-Bàn tay cô giáo (Nhạc: Phạm Tuyên; Lời: Định Hải)- Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên)- Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên)- Gác trăng (Hoàng văn Yến)- Lớp chúng mình (Mộng Lân) *\** ***Chủ đề: Bản thân***- Cái mũi (Nhạc: Nước ngoài; Lời Lê Đức - Thu Hiền)- Hãy xoay nào (Nhạc: Hàn Quốc)- Thật đáng yêu (Nghiêm Bá Hồng)- Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo)- Mời bạn ăn (Nhạc và lời: Trần Ngọc)- Hãy nhanh tay ( Nhạc nước ngoài)- Khuôn mặt cười ( Nguyễn Hậu)- Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo)- Bàn tay nắm lại ( Nhạc nước ngoài)- Tập tầm vông( Lê Cao Phan)*\** ***Chủ đề: Gia đình****-* Ông cháu (Phong nhã)- Múa cho mẹ xem (Xuân Giao)- Nhà của tôi (Thu Hiền)- Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn)- Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh)- Bé quét nhà (Nhạc: Hà Đức Hậu – lời Yên Giang) - Quạt bà, quạt bố (Nhạc: Trương Pháp – thơ: Lâm Thắng)- Biết vâng lời mẹ ( Minh Khang)***\* Chủ đề: Nghề nghiệp***- Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền)- Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân)- Chú bộ đội (Hoàng Hà)- Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến)- Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu)- Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân)- Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)- Ba em là công nhân lái xe (Lê văn Lộc)- Chiến sỹ tý hon (Việt Anh)***\* Chủ đề: Chủ đề động vật****-* Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê)- Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên)- Cá vàng bơi (Hà hải)- Đố bạn (Hồng Ngọc)- Chú ếch con (Phan Nhân)- Ta đi vào rừng xanh (Nhạc nước ngoài)- Chú khỉ con (Bùi Anh Tôn)- Chú chuột nhắt (Nguyễn Văn Hiên)- Thật đáng chê (Việt Anh)***\* Chủ đề: Thực vật- Tết nguyên đán***- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân: Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Màu hoa (Hồng Đăng); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Lá xanh (Thái Cơ); Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Xoè hoa (Dân ca Thái); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Sắp đến tết rồi; Lý cây xanh (Dân ca nam bộ); Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu); Ngày vui 8/3 ( Hoàng Văn Yến); Ngày hội của bà của mẹ.- Biểu diễn cuối chủ đề - Mùa xuân (Hoàng Văn Yến)- Ngày vui 8//3***\* Chủ đề: Giao thông****-* Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân)- Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến)-Em đi chơi thuyền (Trần kiết Tường) - Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính)- Chúng em chơi giao thông (Hoàng Văn yến)-Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Luơng Vĩnh; Thơ: Thế hội )**\* *Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên***- Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà)- Mùa hè đến (Tô Đông Hải)- Mây và gió (Minh Quân)- Cháu vẽ ông mặt trời( Tân Huyền)- Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích)- Sau mưa (Lương Ngọc Hoàn)**\* *Chủ đề: Quê hương đất nước- Bác Hồ****-* Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng)- Múa với bạn tây nguyên (Phạm Tuyên)- Trái đất này là của chúng mình (Nhạc: Trương Quang Lục; Lời: Định Hải)- Nhớ ơn Bác ( Phan Huỳnh Điểu) - Yêu Hà Nội (Bảo Trọng) - Tạm biệt búp bê (Hoàng Thông)- Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ (Phạm Tuyên) |
| 96-Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức khác (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)- Trẻ hát tự nhiên, nhún nhảy, lắc lư.... (CS 60 chuẩn 20) |
| 97. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm: (CS 61 chuẩn 20) | - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.**\* LVPTTM: Tạo hình.****- Chủ đề Trường mầm non****+** Làm quà trung thu, trang trí tết trung thu**- Chủ đề Bản thân.**+ Làm quà tặng bạn.**- Chủ đề Gia đình**+ Làm quà tặng mẹ+ Làm quà tặng cô giáo**- Chủ đề Động vật****+** Làm con vật từ lá cây.+ Làm các con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên**- Chủ đề Nghề nghiệp.**+ Làm quà tặng chú bộ đội.**- Chủ đề Thực vật**- Làm tranh hoa các từ lá cây, sỏi đá- Làm tranh hoa từ nguyên vật liệu thiên nhiên**- Chủ đề giao thông****+** Làm các phương tiện giao thông**- Chủ đề Nước, hiện tượng tự nhiên.**+ Làm tranh từ sỏi, tranh màu nước, in tranh từ màu nước.**- Chủ đề Quê hương, đất nước bác Hồ, trường tiểu học:**- Làm thiệp chúc mừng.- Trang trí tranh ảnh, quà quê. |
| 98. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. | Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.**\* LVPTTM: Tạo hình.****- Chủ đề Trường mầm non**+ Vẽ, tô màu trường Mầm non+Vẽ tô , màu cô giáo+ Cắt dán đồ chơi trên sân trường+ Trang trí rèm cửa lớp học**- Chủ đề Bản thân.****+** Cắt dán áo bạn trai bạn gái+ Vẽ, tô màu chân dung bé + Trang trí khăn quàng cổ+ Làm găng tay**- Chủ đề Gia đình**+ Vẽ chân dung người thân trong gia đình.+Vẽ cái cốc + Làm cà vạt tặng bố+ Cắt, dán ngôi nhà từ các hình học+ Cắt, dán tủ quần áo+ Làm đồng hồ đeo tay**- Chủ đề Động vật****+ Làm con gà trống** + Vẽ đàn cá bơi+ xé, dán đàn cá+ làm con gà+ Mô hình thế giới đại dương+ cắt, dán động vật sống trong rừng**- Chủ đề Nghề nghiệp.**+ Vẽ đồ dùng, dụng cụ nghề nông+ Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo+ Cắt, dán tranh ảnh một số nghề**- Chủ đề Thục vật**+ Trang trí tán lá cây+ Vẽ vườn hoa+Tạo hoa , lá bằng dấu vân tay+ Xé, dán vườn cây ăn quả+Tạo hình rau , củ quả+ Gấp hoa sen**+ Vẽ tự do****+ Trang trí bưu thiếp ngày tết****- Chủ đề giao thông**+ Vẽ tàu, thuyền trên biển+ cắt, dán ô tô+gấp thuyền+ làm ô tô+ xé, dán cột đèn giao thông+ vẽ tự do**- Chủ đề Nước, hiện tượng tự nhiên.****+**Vẽ cảnh biển+ Xé, dán mây+ Vẽ trang phục mùa theo ý thích+ Làm mưa ngũ sắc**- Chủ đề Quê hương, đất nước bác Hồ, trường tiểu học:**+ Vẽ cảnh quê hương em+Xé, dán bức tranh phong cảnh+ vẽ vườn hoa lăng bác+Vẽ đồ dùng học tập+Vẽ, tô màu trường tiểu học  |
| 99. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: - CS 61 chuẩn 20 | - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục |
| 100. Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu săc, hình dáng, bố cục: - CS 57 chuẩn 20 | - Nhận xét sản phẩm tạo hình vè màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục |
| 101. Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. - (CS 62, chuẩn 20) | -Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn) |
| 102. Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn  | - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích |
| 103. Trẻ nói lên ý tưởng, tạo ra các sản phẩm và đặt tên cho sản phẩm tạo hình. - (CS 63 chuẩn 20) | - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình- Đặt tên cho sản phẩm của mình |
| 104. Trẻ có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống (CS 59, chuẩn 19) | - Giữ gìn sản phẩm nghệ thuật. - Biết vỗ tay và hưởng ứng khi người khác biểu diễn |

 **II. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiên** | **Lưu ý/ điều chỉnh** |
| **1. Tổ chức bữa ăn** | ***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:***- Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ.- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal.- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20%  năng lượng khẩu phần.+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần.+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần.- Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng;- Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).- Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.***b. Chăm sóc bữa ăn****\* Trước khi ăn:* - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...- Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; *\* Trong khi ăn:*- Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.- Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ*\* Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng.- Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung;- Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. | CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh |  |
| **2. Tổ chức giấc ngủ** | - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).- Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc ***\* Trước lúc cho trẻ ngủ:***- Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ.- Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi);- Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông).***\* Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ.- Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ môi trường trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác***\* Sau khi thức dậy***- Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.- Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | - Giáo viên chủ nhiệm- Nhân viên nấu ăn |  |
| **3. Tổ chức vệ sinh** | ***a.Vệ sinh cô:***- Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, cắt móng tay thường xuyên, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ.- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm***b. Vệ sinh cá nhân trẻ***- Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.- Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng).- Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh.- Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết).- Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn.- Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa.***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp****\* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, đễ chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng.- Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy;- Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh.- Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này.+ Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo.+ Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ.+ Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt.+ Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng.+ Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh).+ Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ.*\* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường*- Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa Giáo dục trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày.- Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.- Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt. | Giáo viên và bảo vệ |  |
| **4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn** | ***a. Chăm sóc sức khỏe****\* Khám sức khỏe*- Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp.- Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe*\* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.*- Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao: Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2022 và tháng 3/2023); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2022 và tháng 3/2023)- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ.- Trẻ từ 61 đến 78 tháng tuổi theo dõi 3 loại biểu đồ: Ngoài việc theo dõi biểu đồ đánh giá về cân nặng, chiều cao thì có biểu đồ BMI (Lưu ý trẻ đủ 61 tháng tuổi trở lên mới theo dõi chỉ số BMI năm 2 lần vào tháng 12/2022 và tháng 3/2023). Đây là nội dung quan trọng ảnh hưởng đến phát triển thể chất sau này nên cần phải thực hiện chính xác trong thực hiện cân, đo cho trẻb. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:- Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.- Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sở, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm***- Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy- Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau:+ Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%), Thuốc hạ sốt,OERSOL, Thuốc nhỏ mắt trẻ em, Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương, Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao.Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc.Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp***- Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương.- Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ.- Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ. | - CBQL- Giáo viên chủ nhiệm- Nhân viên y tế,- Trạm y tế xã,- Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn- Phụ huynh |  |
| **5. Chăm sóc trẻ duy dinh dưỡng, khuyết tật**  | - Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm hồ sơ cho trẻ khuyết tật cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ.- Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ như: Sự phát triển về thể chất, Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp, Khả năng nhận thức, Quan hệ xã hội,Môi trường phát triển của trẻ.- Đối với những lớp có trẻ suy dinh dưỡng giáo viên có kế hoạch cân đo theo giỏi biểu đồ 1 tháng 1 lần để đưa ra biện pháp phối kết hợp chăm sóc trẻ kịp thời. - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ suy dinh dưỡng, khuyết tật đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc Giaó dục trẻ suy dinh dưỡng và giúp trẻ hòa nhật. | CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng |  |

**Người lập kế hoạch Hiệu Trưởng**

 **PHT**

 **Ngô Thị Lan Hoàng Thị Hà**